**ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**KHOA KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT THÔNG TIN**

---------Logo, company name

Description automatically generated

**BÁO CÁO GIỮA KỲ**

**XÂY DỰNG TRANG WEB BÁN GIÀY**

Môn: Internet và Công nghệ Web

Lớp: IE104.M12.CNCL

**Sinh viên thực hiện:**

Nguyễn Trường Huy – 19521626

Trần Hữu Hoàn – 19521526

Nguyễn Thanh Minh - 19521846

**Giảng viên:**

Th.S: Võ Tấn Khoa

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 11 năm 2020

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **MSSV** | **Họ tên** | **Nội dung được phân công** |
| **19521626** | **Nguyễn Trường Huy** | - Tìm hiểu thêm frontend và backend  - Làm nội dung Homepage(main)  - Làm file báo cáo |
| **19521526** | **Trần Hữu Hoàn** | -Tìm hiểu thêm frontend và backend  -Thiết kế giao diện Homepage(footer)  - Làm slide thuyết trình |
| **19521846** | **Nguyễn Thanh Minh** | - Tìm hiểu thêm frontend và backend  - Làm nội dung Homepage(header)  - Thuyết trình |

**MỤC LỤC**

[**BÁO CÁO TÓM TẮT** 1](#_Toc76666839)

[**MỤC LỤC** 3](#_Toc76666840)

[**DANH MỤC HÌNH** 4](#_Toc76666841)

[**CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU CHUNG** 6](#_Toc76666842)

[**1.** **Access là gì ?** 6](#_Toc76666843)

[**2.** **Các đối tượng chính của Access** 7](#_Toc76666844)

[❖ Bảng (Table) 7](#_Toc76666845)

[❖ Form (Biểu mẫu) 8](#_Toc76666846)

[❖ Query (Truy vấn) 9](#_Toc76666847)

[❖ Báo cáo (Report) 9](#_Toc76666848)

[**3.** **Sự phối hợp giữa các đối tượng trong Access** 10](#_Toc76666849)

[**CHƯƠNG 2: CÁC CHỨC NĂNG CƠ BẢN CỦA ACCESS** 11](#_Toc76666850)

[**1.** **Tạo Database** 11](#_Toc76666851)

[**2.** **Tạo Bảng (Table)** 11](#_Toc76666852)

[**3.** **Thêm, xóa, sử dữ liệu trong bảng:** 15](#_Toc76666853)

[**CHƯƠNG 3: CÁC CHỨC NĂNG NÂNG CAO CỦA ACCESS** 16](#_Toc76666854)

[**1. Query** 16](#_Toc76666855)

[**2. Back up – Restore** 20](#_Toc76666856)

[**3. Import – Export** 22](#_Toc76666857)

[ Export 22](#_Toc76666858)

[ Import 23](#_Toc76666859)

[ Sao lưu sang SQL server 25](#_Toc76666860)

[**4.Xác thực – Phân quyền** 31](#_Toc76666861)

[**CHƯƠNG 4: DEMO MỘT SỐ TÍNH NĂNG** 34](#_Toc76666862)

[**CHƯƠNG 5: KẾT LUẬN VÀ HƯỚNG PHÁT TRIỂN** 34](#_Toc76666863)

[**1.** **Kết luận** 34](#_Toc76666864)

[**2.** **Hướng phát triển** 35](#_Toc76666865)

# **DANH MỤC HÌNH**

[Hình 1 Biểu tuọng Microsoft Access 2007 6](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500888)

[Hình 2 Biểu tượng Microsoft Access từ 2016 đến nay 6](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500889)

[Hình 3 Ví dụ 1 bảng dữ liệu 7](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500890)

[Hình 4 Ví dụ về Form 8](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500891)

[Hình 5 Ví dụ về kết quả của Query 9](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500892)

[Hình 6 Ví dụ về Report 9](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500893)

[Hình 7 Mối quan hệ của các đối tượng trong Access 10](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500894)

[Hình 8 Tạo Database 11](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500895)

[Hình 9 Tạo Bảng (bước 1) 11](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500896)

[Hình 10 Chuyển sang chế độ Design để thêm thuộc tính 12](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500897)

[Hình 11 Thêm các thuộc tính và chọn khóa chính cho bảng 12](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500898)

[Hình 12 Các lựa chọn mở rộng của kiểu dữ liệu 13](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500899)

[Hình 13 Tạo Relationships(các mối quan hệ) cho các bảng trong database 13](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500900)

[Hình 14 Cửa sổ chọn bảng thêm vào Relationships 14](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500901)

[Hình 15 Cửa sổ Edit Relationships(chỉnh sửa mối liên hệ) 14](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500902)

[Hình 16 Ví dụ 1 - Thêm dữ liệu 15](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500903)

[Hình 17 Lỗi xảy ra khi các dữ liệu không nhất quán 15](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500904)

[Hình 18 Cửa sổ chọn kiểu Query 16](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500905)

[Hình 19 Cửa sổ chọn loại Query(toàn bộ/tổng của 1 thuộc tính nào đó) 17](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500906)

[Hình 20 Cửa sổ chọn các thuộc tính cho Query 17](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500907)

[Hình 21 Cửa sổ đặt tên cho Query 18](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500908)

[Hình 22 Kết quả của Query vừa tạo 18](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500909)

[Hình 23 Chế độ Design của Query 19](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500910)

[Hình 24 Thêm bảng cần thiết vào Query 19](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500911)

[Hình 25 Chế độ SQL View của Query 20](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500912)

[Hình 26 Các loại hình Query khác 20](#_Toc76500913)

[Hình 27 Phần Save & Publish của File 21](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500914)

[Hình 28 Đặt tên và chọn nơi lưu back up 21](#_Toc76500915)

[Hình 29 Export - 1 22](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500916)

[Hình 30 Export - 2 22](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500917)

[Hình 31 Import dữ liệu từ Access - 1 23](#_Toc76500918)

[Hình 32 Chọn nguồn Import cho Database 23](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500919)

[Hình 33 Bảng Import Object 23](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500920)

[Hình 34 Bảng lựa chọn để lưu các bước Import 24](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500921)

[Hình 35 Save Import Steps 24](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500922)

[Hình 36 Kết quả Import 25](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500923)

[Hình 37 Công cụ Import and Export của SQL 25](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500924)

[Hình 38 Chọn kiểu dữ liệu đầu ra cho Export sang SQL 25](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500925)

[Hình 39 Chọn nguồn và nhập thông tin đăng nhập(nếu có) 26](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500926)

[Hình 40 Chọn nơi nhận dữ liệu Export 26](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500927)

[Hình 41 Chọn hình thức Export dữ liệu 27](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500928)

[Hình 42 Chọn bảng cần thiết 28](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500929)

[Hình 43 Save and Run Package 28](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500930)

[Hình 44 Lưu Package 29](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500931)

[Hình 45 Kiểm tra trước khi Export 29](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500932)

[Hình 46 Kết quả xuất dữ liệu sang SQL Server 30](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500933)

[Hình 47 Table User và Form Login 31](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500934)

[Hình 48 Query Login và Form của nó 32](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500935)

[Hình 49 Macro của nút đăng nhập 33](file:///D:\QLTT_Report\BaoCao.docx#_Toc76500936)

# **CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU ĐỀ TÀI**

* Xây dựng web bán giày tiện lợi với các chức năng cơ bản của 1 trang web bán hàng
* Giao diện đẹp, dễ nhìn

# **CHƯƠNG 2: CẤU TẠO CỦA TRANG WEB**

1. Front – end:
   1. Gồm có 3 ngôn ngữ thông dụng: HTML, CSS, Javascript
      * HTML: viết tắt của (Hypertext Markup Language) hay là ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản, được sử dụng để viết những nội dung cần có trong 1 trang web và những tính năng cơ bản cần có.
      * CSS: viết tắt của Cascading Style Sheets, CSS giống như là trang phục của 1 trang web, dùng để thiết kế màu sắc, định dạng để các nội dung trong trang web trở nên bắt mắt hơn
      * Javascript: Nó vốn được phát triển bởi Brendan Eich tại hãng truyền thông Netscape với cái tên đầu tiên *Mocha*, rồi sau đó đổi tên thành *LiveScript*, và cuối cùng thành JavaScript
   2. Vì sao cần có 3 ngôn ngữ trong front-end: Nếu chỉ 1 mình HTML, các dòng code sẽ rất dài và rất khó kiểm soát nếu xảy ra sai sót hoặc muốn cập nhật, tính tương tác giữa người dùng và HTML không được cao. Vì vậy, muốn tối ưu hóa, ta cần phải có CSS để thiết kế vẻ ngoài của 1 trang web, và JS để tối ưu hóa giữa sự tương tác của người dùng và trang web.
2. Back – end:
   * Framework Django
     + Logo

       Description automatically generatedDjango là một Framework lập trình Web bậc cao, mã nguồn mở được viết bằng Ngôn ngữ lập trình Python.
     + Ưu điểm: Nó nhanh và đơn giản, Django giúp bạn có thể lập trình web trong thời gian ngắn.
     + Hơn nữa, Django có tài liệu rất tốt và tuân theo nguyên tắc DRY (Đừng lặp lại chính mình) trong khi những Framework khác không quan tâm nhiều về điều này. Django cũng hỗ trợ ORM (Object Relistic Mapping).
     + Django sử dụng mô hình MVT (Model-View-Template) thay vì sử dụng mô hình MVC (Model-View-Controller).
     + Mô hình MVT được sử dụng trong khi tạo một ứng dụng với Tương tác người dùng.
     + Mô hình này thì bao gồm code HTML với Django Templage Language (DTL).
     + Controller là mã được viết để kiểm soát sự tương tác giữa Model và View và Django dễ dàng chăm sóc nó.
     + Bất cứ khi nào người dùng người request, nó xử lý request của người dùng đó bằng Model, View và Template.
     + Nó hoạt động như một Controller để kiểm tra xem nó có khả dụng hay không bằng cách ánh xạ URL và nếu URL ánh xạ thành công thì View sẽ bắt đầu tương tác với Model và gửi lại Template cho người dùng dưới dạng respone
   * Python
     + Logo, icon

       Description automatically generated with medium confidencePython là ngôn ngữ lập trình hướng đối tượng, cấp cao, mạnh mẽ được tạo bởi Guido van Rossum. Python có cấu trúc dữ liệu cấp cao mạnh mẽ và cách tiếp cận đơn giản nhưng hiệu quả đối với lập trình hướng đối tượng.
     + Các tính năng chính của python: Ngôn ngữ đơn giản, miễn phí, mã nguồn mở, khả năng di chuyển các nền tảng, khả năng mở rộng và có thể nhúng, ngôn ngữ thông dịch cấp cao
   * MongoDB
     + Diagram, logo

       Description automatically generatedMongoDB là một database hướng tài liệu (document), một dạng NoSQL database. Vì thế, MongoDB sẽ tránh cấu trúc table-based của relational database để thích ứng với các tài liệu như JSON có một schema rất linh hoạt gọi là BSON. MongoDB sử dụng lưu trữ dữ liệu dưới dạng Document JSON nên mỗi một collection sẽ các các kích cỡ và các document khác nhau.

# **CHƯƠNG 3: CÁC CHỨC NĂNG CỦA TRANG WEB**

* Theo dõi đơn hàng
* Hỗ trợ online
* Đặt hàng
* Giỏ hàng
* Đăng kí/đăng nhập tài khoản
* Tìm kiếm sản phẩm
* Menu

# **CHƯƠNG 4: DEMO MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ TRANG WEB**

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

<https://dinhnghia.vn/access-la-gi-chuc-nang-chinh-huong-dan-su-dung.html>

* Lần cuối truy cập: 25/6/2021

<https://vi.wikipedia.org/wiki/Microsoft_Access>

* Lần cuối truy cập: 25/6/2021

<https://quantrimang.com/gioi-thieu-ve-bang-truy-van-form-bao-cao-trong-access-142983>

* Lần cuối truy cập: 29/6/2021

<https://support.microsoft.com/en-us/office/protect-your-data-with-backup-and-restore-processes-96539a81-5984-4d56-99ca-ee81f8d6356c#__back_up_a_1>

* Lần truy cập cuối 6/7/2021

<https://quantrimang.com/tao-truy-van-du-lieu-trong-access-2016-tu-don-gian-den-phuc-tap-142998>

* Lần truy cập cuối 5/7/2021

<https://xuanthulab.net/tao-cac-bieu-mau-form-de-nhap-du-lieu-trong-ms-access.html>

* Lần truy cập cuối 6/7/2021